TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HS-ST
Ngày 18/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Duy Hiển và bà Bùi Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 với các bị cáo:

1. Nguyễn Nhất L, sinh năm 1992 tại xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn VL, xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Như L1, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1958; có vợ là Phạm Thị D, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2020; Tiền án: chưa; Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04 ngày 03/12/2020 của Công an xã Bình Minh huyện BG, tỉnh Hải Dương đối với L, xử phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi: Trộm cắp tài sản, nộp phạt ngày 09/12/2020 (chưa được xóa); Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 134 ngày 12/9/2011 của Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đối với L, xử phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi: Sử dụng công cụ hỗ trợ không có giấy phép, nộp phạt ngày 12/9/2011 (đã được xóa); Bản án số 49/2021/HSST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện BG, tỉnh Hải Dương xử phạt L 07 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (bản án chưa có hiệu lực pháp luật).

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương theo Lệnh tạm giam số 29 ngày 04/6/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BG, tỉnh Hải Dương (bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác). Có mặt.

2. **Vũ Văn T**, sinh năm 1983 tại xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn VL, xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn T2, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959; có vợ là Lò Thị P, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2004,

nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: chưa; Tiền sự: Quyết định số 372 ngày 05/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã là 03 tháng kể từ ngày 05/4/2021 để cai nghiện ma túy tại gia đình đối với Vũ Văn T; Nhân thân: Bản án số 117 ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử 30 tháng tù giam về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2016, nộp án phí ngày 05/8/2014 (đã được xóa).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/6/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị hại: Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn C, xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Phạm Thị D, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn LN, xã YK, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Vũ Văn T4, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn VL, xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

(Anh Đ, chị N, bà T3, ông T4, chị D vắng mặt, đều có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Nhất L và Vũ Văn T đều ở thôn VL, xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương và là người sử dụng ma túy. Khoảng hơn 09 giờ ngày 24/3/2021, L điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirus, màu đỏ - đen, BKS: 34P3 - 1288 (xe của anh Phạm Văn T5 ở thôn LN, xã YK, huyện Gia Lộc cho vợ của L là chị Phạm Thị D mượn) đến nhà T chơi rồi rủ T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. L chở T đi quanh các đường xem có nhà người dân nào để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng gần 10 giờ cùng ngày, L và T đi qua cổng nhà anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1981 ở thôn T, xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương thì cả hai nhìn thấy ở bên trái theo chiều đi của L và T có 04 cánh cửa sắt dựng bên ngoài tường rào, không có người trông coi. L bảo T: "Xuống lấy đi" rồi quay xe, dừng lại cạnh 04 cánh cửa sắt. T xuống xe, bê 01 cánh cửa sắt đặt lên giữa yên xe máy và ngồi luôn phía sau xe để giữ cánh cửa sắt. L bê 01 cánh cửa sắt khác rồi đặt lên giữa yên xe để T ngồi sau giữ. Sau đó, L lên điều khiển xe máy chở T giữ 02 cánh cửa sắt trộm cắp được đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Phạm Thị T3, sinh năm 1971 ở thôn C, xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương (gần Cầu C), L điều khiển xe máy đi vào cửa hàng, L và T bê 02 cánh cửa sắt vào gặp bà T3 để hỏi bán 02 cánh cửa này, do không biết 02 cánh của trên là tài sản có được do trộm cắp nên bà T3 đồng ý mua, sau khi cân được tổng trọng lượng là 80 kg, bà T3 trả cho L và T 625.000đồng. L chia cho T 300.000đồng và giữ lại 325.000đồng, số tiền này cả

hai đã chi tiêu hết. Sau đó vài ngày, bà T3 đã bán 02 cánh cửa sắt cho một người không quen biết nên không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KLĐG-HĐ ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự-UBND huyện Gia Lộc kết luận:

- 02 (hai) cánh cửa sắt giống nhau; đã qua sử dụng; màu xám; kích thước 1 cánh (dài x rộng): (215x58) cm; khung sắt hình hộp chữ nhật dày: 2,5cm; khối lượng: 40kg/1 cánh; mua mới năm 2017; còn giá trị sử dụng có giá trị là: 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 03/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Nhất L, Vũ Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa: VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các Điều 17, Điều 38; Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với hai bị cáo Nguyễn Nhất L và Vũ Văn T. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhất L và Vũ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhất L từ 07 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày thi hành án. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 14/6/2021.Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Không giải quyết. Về án phí: Các bị cáo L, T phải chịu án phí sơ thẩm hình sự.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại là anh Đỗ Xuân Đ và chị Nguyễn Thị N xác định đã được gia đình các bị cáo L, T bồi thường giá trị của 02 cánh cửa sắt, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T3 xác định đối với số tiền đã sử dụng để mua 02 cánh cửa sắt của L, T, bà không có yêu cầu gì.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Phạm Thị D và ông Vũ Văn T4 xác định đã thay các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 2.800.000đ. Ông T4 xác định đây là tài sản riêng của ông. Ông T4 và chị D đều không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 2.800.000đ.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Gia Lộc đối với các bị cáo là đúng và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10h giờ ngày 24/3/2021, tại nhà anh Đỗ Xuân Đ ở Thôn T, xã TN, huyện GL, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở không có người trông coi tài sản, Nguyễn Nhất L và Vũ Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 (hai) cánh cửa sắt màu xám; kích thước mỗi cánh (dài x rộng): (215x58) cm; khung sắt hình hộp chữ nhật dày: 2,5cm; khối lượng: 40kg/01 cánh. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.800.000đồng.

[3] Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý lén lút thực hiện nhằm lấy tiền tiêu xài cá nhân, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.800.000 đồng nên hành vi của bị cáo L, bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như vậy, VKSND huyện Gia Lộc truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trong xã hội, gây tâm lý bất an trong nhân dân. Vì vậy, việc xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và đồng thời là biện pháp phòng ngừa chung.

[5] Vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo tuy có sự thống nhất cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ với nhau nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo L là người đề xuất, sử dụng xe mô tô để đi tìm tài sản và thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất, bị cáo T đồng phạm với vai trò sau bị cáo L.

[6] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân xấu và đều có tiền sự chưa được xóa. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, các bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ*" quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Ngày 26/8/2021, bị cáo L bị Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 49/2021/HS-ST, tuy nhiên, đến nay bản án trên chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt.

[7] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, HĐXX thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để Nhà nước giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp , không có thu nhập, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị D (là vợ bị cáo L) và ông Vũ Văn T4 (là bố bị cáo T) đã tự nguyện bồi thường cho anh Đỗ Xuân Đ, chị Nguyễn Thị N số tiền 2.800.000 đồng, anh Đ, chị N không có yêu cầu bồi thường dân sự. Chị D và ông T4 không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền 2.800.000 đồng. Số tiền bà Phạm Thị T3 mua 02 cánh cửa sắt của L và T, bà T3 không có đề nghị gì. Do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Sau khi mua 02 cánh cửa sắt của L và T vài ngày, bà T3 đã bán 02 cánh cửa sắt cho một người không quen biết nên không thu giữ được xử lý. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Đối với xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirus, màu đỏ - đen, BKS: 34P3 – 1288 mà Nguyễn Nhất L và Vũ Văn T sử dụng để đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của anh Phạm Văn T5, sinh năm 1988 ở thôn LN, xã YK, huyện GL (là anh trai của chị Phạm Thị D), anh T5 cho chị Phạm Thị D mượn, anh không biết việc chị D cho bị cáo L mượn chiếc xe này. Anh T5 đã bán chiếc xe này cho một người không quen biết, không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ quản lý được. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Đối với chiếc CD ghi ngày 14/6/2021 là bản hỏi cung bị cáo T, đây là tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm nên được tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01chiếc USB nhãn hiệu SANDISK màu đỏ đen, dung lượng 8G, bên trong chứa 01 đoạn video do bị hại giao nộp, đây là tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm nên được tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án

[10] Đối với chị Phạm Thị D khi cho L mượn xe máy BKS: 34P3 - 1288 không biết L sử dụng làm phương tiện phạm tội và đối với bà Phạm Thị T3 khi mua 02 cánh cửa sắt không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý. Do đó, HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các Điều 135, Điều136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Nhất L và Vũ Văn T.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhất L, Vũ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhất L 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày thi hành án.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 14/6/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Nhất L và Vũ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra, Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, Công an huyện Gia Lộc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Giang